

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TMT23B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2354801024297	Phan Thị Thúy	An	23/01/2008	8.6	6.0	7.3	5.8	5.9	5.9	6.0	Trung bình
02	2354801024298	Huỳnh Công	Chính	19/09/2008	9.3	7.1	7.8	6.9	7.6	5.8	7.1	Khá
03	2354801024299	Lê Quang	Chính	25/05/2008	9.4	7.4	5.7	6.3	7.4	4.9	6.5	Trung bình
04	2354801024300	Lý Minh	Duy	07/08/2008	8.9	6.0	5.2	2.0	5.1	4.9	3.9	Yếu
05	2354801024301	Nguyễn Quốc	Đại	20/04/2008	8.8	6.7	6.7	5.3	7.2	5.3	6.1	Trung bình
06	2354801024302	Ngô Trường	Giang	16/11/2008	8.0	6.8	3.1	5.6	6.9	5.3	5.9	Trung bình
07	2354801024303	Đỗ Thiện	Giàu	30/08/2008	9.3	6.7	6.1	5.9	6.3	5.4	6.0	Trung bình
08	2354801024304	Lê Thị Thu	Hằng	10/08/2008	9.1	5.7	7.9	6.0	5.3	7.4	6.1	Trung bình
09	2354801024305	Thái Thiện	Hiếu	07/02/2007	8.9	8.5	5.4	6.5	5.1	5.3	5.7	Trung bình
10	2354801024307	Dương Hoàng	Khang	15/02/2008	9.8	9.0	6.6	5.3	5.8	5.9	5.7	Trung bình
11	2354801024308	Nguyễn Văn	Khang	27/07/2008	9.5	9.8	5.8	5.3	6.0	5.4	5.6	Trung bình
12	2354801024310	Thái Tấn	Lộc	05/08/2008	9.1	9.4	6.5	6.1	7.2	7.6	6.8	Trung bình
13	2354801024311	Trần Văn	Lượng	18/05/2008	9.3	4.0	2.3	6.4	2.8	2.3	4.1	Yếu
14	2354801024312	Phạm Thiện	Nghiêm	12/10/2008	8.5	5.7	6.5	5.5	6.3	4.5	5.7	Trung bình
15	2354801024313	Nguyễn Thanh	Nhã	16/05/2008	9.3	9.0	5.9	5.9	6.3	6.3	6.1	Trung bình
16	2354801024314	Nguyễn Trần Đức	Phát	16/11/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
17	2354801024315	Nguyễn Văn	Quân	06/10/2008	8.9	8.2	7.1	5.5	6.3	7.0	6.2	Trung bình
18	2354801024316	Đặng Sỹ	Tâm	29/01/2008	9.5	8.8	4.7	8.7	6.6	5.3	7.1	Khá
19	2354801024317	Huỳnh Minh	Thái	27/07/2008	9.2	7.6	4.8	5.7	7.0	4.9	6.0	Trung bình
20	2354801024319	Trần Triều	Thái	07/10/2008	8.9	7.4	6.1	5.1	5.1	5.5	5.2	Trung bình
21	2354801024320	Lâm Vĩnh	Thành	25/05/2008	9.6	8.5	7.3	5.4	5.6	5.7	5.7	Trung bình

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Điện tử căn bản(5)	Lắp ráp và cài đặt máy tính(5)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
22	2354801024321	Nguyễn Long	Thành	01/11/2007	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
23	2354801024322	Nguyễn Văn	Thành	21/10/2008	9.8	7.7	6.3	6.8	7.4	5.7	6.8	Trung bình
24	2354801024323	Võ Đức	Thành	21/04/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
25	2354801024324	Lê Trí	Thiện	09/10/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	Yếu
26	2354801024325	Trần Thanh	Thiện	22/03/2008	9.8	9.4	7.3	6.6	6.7	7.5	6.8	Trung bình
27	2354801024327	Nguyễn Quốc	Tiến	20/10/2008	7.7	7.1	0.0	0.0	6.3	0.0	2.4	Yếu
28	2354801024328	Trần Nhật	Tiến	08/06/2008	8.6	7.2	7.1	5.1	6.2	6.5	5.9	Trung bình
29	2354801024330	Châu Phúc	Vinh	14/07/2008	9.3	6.0	7.3	5.3	7.2	6.8	6.4	Trung bình
30	2354801024331	Đỗ Mai Quang	Vinh	12/08/2008	9.4	7.8	5.8	6.3	6.2	5.3	6.1	Trung bình

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 20 tháng 06 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái